

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày 02 tháng 02 năm 2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thành Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Sơn.

2. Bà Tạ Thị Thế.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thu Linh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Huế – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Vũ Văn Th, sinh năm 1989

Địa chỉ: thôn ĐT, xã ĐL, huyện HL, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: chị Trần Thanh T, sinh năm 1989

Địa chỉ: tổ A, phường NS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình.

(anh Vũ Văn Th có mặt, chị Trần Thanh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn là anh Vũ Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Vũ Văn Th và chị Trần Thanh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 16/12/2016 tại Ủy ban nhân dân phường NS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống cùng với bố mẹ đẻ

chị T ở tổ A, phường NS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình. Trước khi kết hôn, chị T nói với anh Th là mình đã có thai nhưng sau khi kết hôn anh phát hiện chị T không có thai, chung sống với nhau đã lâu mà không có con chung, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau nên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã, không còn thương yêu nhau nữa. Đến tháng 01/2020, anh Th đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn ĐT, xã ĐL, huyện HL, tỉnh Thanh Hóa sống ly thân với chị T từ đó đến nay. Tháng 8/2020, do không thể đoàn tụ nên anh Th nộp đơn xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án do cha mẹ khuyên bảo nên anh Th rút đơn, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp ra quyết định đình chỉ vụ án số 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2020. Nay anh Thành xét thấy về tình cảm giữa anh Th và chị T không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân giữa anh và chị T không đạt được nên anh Th đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Th được ly hôn với chị Trần Thanh T.

Về nuôi con: anh Th và chị T không có con chung, con riêng nên anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai bị đơn là chị Trần Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thanh T đồng ý với trình bày của anh Th về việc kết hôn giữa hai người. Quá trình chung sống anh chị không có mâu thuẫn gì, chị T không nói dối anh Th là mình đã có thai như anh Th trình bày. Đến tháng 01/2020 anh Th bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn ĐT, xã ĐL, huyện HL, tỉnh Thanh Hóa, từ đó cắt đứt liên lạc với chị T. Tháng 8/2020 anh Th nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó lại rút đơn về, đến tháng 10/2020 anh Th tiếp tục nộp đơn ly hôn, chị T nhận thấy anh Th vẫn còn yêu thương chị nên chị T không đồng ý ly hôn với anh Th.

Về nuôi con: chị Trần Thanh T và anh Vũ Văn Th không có con chung, con riêng nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vi phạm quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

- Anh Vũ Văn Th được ly hôn chị Trần Thanh T;
- Về nuôi con: anh Vũ Văn Th và chị Trần Thanh T không có con chung, con riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về chia tài sản: anh Vũ Văn Th và chị Trần Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Văn Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Vũ Văn Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với chị Trần Thanh T, có địa chỉ cư trú phường Nam Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn là chị Trần Thanh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Trần Thanh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Vũ Văn Th và chị Trần Thanh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 16/12/2016 tại Ủy ban nhân dân phường NS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình theo đúng quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn nên hôn nhân giữa anh Vũ Văn Th và chị Trần Thanh T là hợp pháp.

Căn cứ vào trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ý kiến của hai bên gia đình, xác minh tại địa phương có đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống giữa anh Vũ Văn Th và chị Trần Thanh T do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, chung sống đã lâu mà chưa có con chung, vợ chồng không chia sẻ khó khăn với nhau nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, xảy ra va chạm giữa hai vợ chồng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 1/2020 đến nay, anh Th lần thứ 2 yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn với chị T, nhưng tình trạng vợ chồng không được cải thiện, tiếp tục sống ly thân, không quan tâm đến nhau nữa. Như vậy, giữa anh Th và chị T không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, không chung sống với nhau, đã có vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ vợ chồng, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Vũ Văn Th, xử cho anh Th được ly hôn chị Trần Thanh T.

[3] Về nuôi con: Anh Vũ Văn Th và chị Trần Thanh T không có con chung, con riêng và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Vũ Văn Th là người khởi kiện xin ly hôn nên căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Vũ Văn Th phải nộp án phí ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn Th về việc xin ly hôn với chị Trần Thanh T.

2. Về hôn nhân: anh Vũ Văn Th được ly hôn chị Trần Thanh T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Vũ Văn Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0001659 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình; anh Vũ Văn Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Tam Điệp;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Tam Điệp;
- UBND phường NS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thành Trung